

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ M

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

Bản án số: 456/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 -5- 2023
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm
- Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố M tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1639/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị A, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 64/5 ấp M, xã T, huyện H, Thành phố M (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Văn P, sinh năm 1976;

Địa chỉ: 64/5 ấp M, xã T, huyện H, Thành phố M (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Vũ Thị A trình bày:

Bà và ông Đặng Văn P tự nguyện kết hôn năm 2008, Giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01/2008, do Ủy ban nhân xã X, huyện C, tỉnh T cấp ngày 18/6/2008. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột, cuộc sống không hạnh P nên bà đã nhiều lần nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông P và rút đơn để vợ chồng hàn gắn. Sau nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, nay bà cương quyết yêu cầu ly hôn ông P.

Về con chung: bà A khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: bà A khai không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông P không đến để tự khai, hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Ông Đặng Văn P vắng mặt.

Bà Vũ Thị A trình bày: Bà vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông P vì bà nhận thấy một cuộc sống hôn nhân mà hai bên không còn tôn trọng nhau, thường xuyên cãi nhau, thậm chí là đánh nhau thì kéo dài chỉ khiến cả hai mệt mỏi.

Về con chung: bà A khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: bà A khai không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa. Các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngA cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Vũ Thị A yêu cầu ly hôn ông Đặng Văn P; ông P đang cư trú tại huyện H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố M.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: ông Đặng Văn P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyền số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh T cấp ngày 18/6/2008 thì có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông P là hợp pháp. Nay bà A yêu cầu được ly hôn vì quá trình chung sống không hạnh P, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đôi bên đã không còn yêu thương, tôn trọng nhau.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau tuy nA bà A trình bày cuộc sống vợ chồng không hạnh P, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột, thậm chí đánh nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, bên cạnh đó từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử ông P không đến Tòa án để tự khai, hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc xin ly hôn, chứng tỏ ông P không quan tâm đến hạnh P gia đình và cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của bà A là được ly hôn với ông P.

[2.2] Về con chung: Bà A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này ông Đặng Văn P có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[3] Nội dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Vũ Thị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị A.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị A được ly hôn với ông Đặng Văn P.

- Về con chung: bà A khai không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà A khai không có nên không xem xét. Nếu sau này ông Đặng Văn P có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị A phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039288 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện H, TP. HCM;
- Chi cục THADS huyện H, TP. HCM;
- UBND xã X, huyện C, tỉnh T;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Oanh